



PHỤ LỤC

DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 10

*(Kèm theo Nghị quyết số 2835 /QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | Tên luật, nghị quyết và ngày có hiệu lực                                                                                                                                                                                       | Tên văn bản quy định chi tiết (cụ thể điều, khoản, điểm giao quy định chi tiết)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                             | Thời hạn trình             | Ghi chú                                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| 1. | Nghị quyết số 259/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng Có hiệu lực từ ngày 12/12/2025 | 1. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế, chính sách đặc thù về quy hoạch, đầu tư, tài chính, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, xuất nhập khẩu, thủ tục hành chính đối với dự án xây dựng khu đô thị lấn biển (Điểm i khoản 5 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Tài chính    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan | Tháng 02/2026 <sup>1</sup> | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn  |
| 2. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026                                                                                                                                      | 2. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương, Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay | Bộ Tài chính    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025              | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

<sup>1</sup> Thời hạn trình là 02/2026 Do phải xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Nghị quyết: “Giao Chính phủ xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về quy hoạch, đầu tư, tài chính, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, xuất nhập khẩu, thủ tục hành chính đối với dự án xây dựng khu đô thị lấn biển tại khoản 1 Điều này và xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành”.

|    |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |              |                                                                          |                  |                                             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|
|    |                                                                                                           | ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. (Điểm a Khoản 8, Điểm b Khoản 8, Khoản 9, Khoản 14, Điểm c Khoản 15, Khoản 16, Khoản 21, Điểm c Khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công; Khoản 5 Điều 27, Khoản 9 Điều 29, Khoản 3 Điều 40, Khoản 4 Điều 48, Khoản 3 Điều 53, Khoản 9 Điều 56 Luật Quản lý nợ công năm 2017)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |              |                                                                          |                  |                                             |
|    |                                                                                                           | 3. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 242/2025/NĐCP ngày 10/09/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài (Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các bộ, cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>12/2025 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
| 3. | Luật sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của<br>Luật Giá<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/01/2026                 | 4. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (Điểm b khoản 1 Điều 1; Điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 1; Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15; Khoản 8 Điều 28, Khoản 2 Điều 37, Khoản 5 Điều 38 Luật Giá số 16/2023/QH15)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các bộ, cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>12/2025 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
| 4. | Luật sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của Luật<br>Kinh doanh bảo hiểm<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/01/2026 | 5. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Kinh doanh bảo hiểm (Khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 5 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 64; điểm a khoản 2 Điều 67; khoản 4 Điều 71; khoản 4 Điều 74; khoản 2 Điều 77; khoản 5 Điều 81; khoản 5 Điều 87; khoản 6 Điều 94; khoản 2 Điều 98; khoản 3 Điều 101; khoản 2 Điều 102; Điều 134; khoản 4 Điều 136; khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 152, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022. Các khoản 2, 4, 5, 7, 8 và 10 Điều 1; các khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm) | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các bộ, cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>12/2025 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                           | 6. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2022/TT-BTC quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm và Thông tư số 85/2024/TT-                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                                   | Tháng<br>12/2025 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |

|    |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |              |                                                             |               |                                          |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                         | BTC sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 69/2022/TT-BTC (Khoản 2 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; khoản 15 Điều 1, khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |              |                                                             |               |                                          |
| 5. | Luật Quản lý thuế (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026<br>(Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) | 7. Nghị định quy định về quản lý thuế hộ kinh doanh (Khoản 5 Điều 2; Khoản 5 Điều 13; Khoản 6 Điều 26)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                         | 8. Nghị định quy định chi tiết Luật và các biện pháp thi hành Luật Quản lý thuế (Khoản 5 Điều 2; Khoản 21 Điều 4; Khoản 5 Điều 7; Khoản 5 Điều 9 (quy định khoản 4 Điều 9); Khoản 4 Điều 10; Khoản 6 Điều 11; Khoản 8 Điều 12; Khoản 8 Điều 14; Khoản 6 Điều 16; Khoản 7 Điều 17; Khoản 6 Điều 18; Khoản 5 Điều 19; Khoản 5 Điều 20; Khoản 4 Điều 21; Khoản 3 Điều 24; khoản 3 Điều 25; Khoản 4 Điều 30; Khoản 6 Điều 32; Khoản 1 Điều 34; Khoản 4 Điều 36; Khoản 3 Điều 38; Khoản 15 Điều 39; Khoản 8 Điều 40; Khoản 10 Điều 48; Khoản 5 Điều 49; Khoản 3 Điều 50) | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                         | 9. Nghị định quy định quản lý thuế đối với giao dịch liên kết (Khoản 5 Điều 52)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                         | 10. Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ (Khoản 6 Điều 26; khoản 4 Điều 27)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                         | 11. Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Khoản 10 Điều 44; Khoản 5 Điều 45; Khoản 5 Điều 46)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |              |                                                                      |                  |                                             |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|
|  |  | 12. Nghị định quy định về phụ hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức ngành thuế (Khoản 5 Điều 9 (khoản 2 Điều 9))                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 13. Nghị định quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí (Khoản 12, khoản 15 Điều 39)                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 14. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định về quản lý thuế (Khoản 3 Điều 3; khoản 7 Điều 11; khoản 9 Điều 12; khoản 9 Điều 14; khoản 5 Điều 15; khoản 7 Điều 16; khoản 7 Điều 18; khoản 6 Điều 19; khoản 6 Điều 20; khoản 5 Điều 21; khoản 7 Điều 22; khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 38) | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 15. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Khoản 10 Điều 44; Khoản 5 Điều 45; Khoản 5 Điều 46)                                                                                                                                                                                                         | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>12/2025 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 16. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số điều của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Nghị định số của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27)                                                                                                                                                                             | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 17. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá (Khoản 7 Điều 26)                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 18. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (Khoản 5 Điều 10)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>4/2026  |                                             |
|  |  | 19. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc áp dụng <u>Thỏa thuận trước về phương pháp định giá tính thuế (APA)</u> và Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP) (Khoản 3 Điều 30; Khoản 2 Điều 31)                                                                                                                                                                   | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                               | Tháng<br>4/2026  |                                             |

|    |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |              |                                                          |               |                                          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                              | 20. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng phụ hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức ngành thuế ((Khoản 5 Điều 9 (quy định khoản 2 Điều 9); Nghị định quy định về phụ hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu công chức ngành thuế)                                       | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                                                                                              | 21. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (Khoản 7 Điều 40)                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                                                                                              | 22. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ trong quản lý thuế (Khoản 5 Điều 33; Khoản 3 Điều 34)                                                                                                                                                                                                            | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                                                                                              | 23. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Khoản 9 Điều 12; Điểm c khoản 1 Điều 14; Khoản 9 Điều 14; Khoản 5 Điều 15; Khoản 7 Điều 16; Khoản 7 Điều 18; Khoản 6 Điều 19; Khoản 6 Điều 20; Khoản 5 Điều 21; Khoản 7 Điều 22; Khoản 3 Điều 35; Khoản 3 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 38) | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026  |                                          |
| 6. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026                                                                                                              | 24. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng (khoản 28 Điều 5 và khoản 11 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2024)                                                                                                      | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 7. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026<br>(Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/3/2026) | 25. Nghị định của Chính phủ quy định về tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia (Khoản 8 Điều 1 bổ sung các điều 45a, 45b, 45c và 45d Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp)                                                                                                                                                    | Bộ Công an   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                                                                              | 26. Nghị định của Chính phủ quy định về Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh (Khoản 4 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 22 Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp)                                                                                                                                                           | Bộ Công an   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|    |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                 |                        |                                                          |               |                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
| 8. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026                        | 27. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (điểm b, điểm c khoản 2, khoản 6, khoản 11 Điều 1; khoản 5 Điều 4) | Bộ Xây dựng            | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 9. | Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026<br>(Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) | 28. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp (khoản 5 Điều 7, khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 24; khoản 5 Điều 24; khoản 5 Điều 41)                                                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 29. Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 35)                                                                                                 | Bộ Tài chính           | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026  |                                          |
|    |                                                                                                                                                 | 30. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Điều lệ trường trung học nghề (khoản 2 Điều 9)                                                                                                                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 31. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp (khoản 3 Điều 16)                                                                                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 32. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề, trung cấp, cao đẳng (khoản 3 Điều 17; khoản 4 Điều 18)                                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 33. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục ngành nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao (khoản 4 Điều 18)                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 34. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn người dạy nghề (khoản 5 Điều 22)                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 35. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề (khoản 6 Điều 22)                                                                            | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                                                                                                                 | 36. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành (khoản 6 Điều 22)                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                              |                                                          |               |                                         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------|
| 10. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường<br>Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 | 37. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực môi trường (Khoản 5, 7, 11, 14, 21 và khoản 34 Điều 1)                                                                                                                                  | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                          | 38. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (Khoản 4, khoản 5, điểm b khoản 9 Điều 2)                                                                                                                 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                          | 39. Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 2 và khoản 6 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường                                                                                                            | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                          | 40. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường về chăn nuôi và thú y (Khoản 2, khoản 9, khoản 12, điểm b khoản 19 Điều 3 và khoản 32, khoản 33, khoản 34, khoản 36 Điều 12) | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                          | 41. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Khoản 13, khoản 14 Điều 4)                                                                                                                     | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                          | 42. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai (Khoản 3, khoản 7, khoản 8, điểm đ khoản 16 Điều 5)                                                                                                   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |                                                          |               |                                         |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------|
|  | 43. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (Điều 8) (Khoản 3 Điều 18; khoản 4 Điều 23; khoản 3 Điều 25; khoản 4 Điều 26 a; khoản 5 Điều 63; khoản 8 Điều 92; khoản 4 Điều 105 <sup>2</sup> của Luật Lâm nghiệp) | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 44. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước (Điều 10)                                                                                                                                                                   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 45. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo (Điều 11; Điều 14)                                                                                                                                                          | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 46. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi (Điểm b khoản 3 Điều 13) (Khoản 4 Điều 16; khoản 2 Điều 23; khoản 3 Điều 44 của Luật Thủy lợi)                                                                                                            | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 47. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (Điều 14) (khoản 4 Điều 28; khoản 5 Điều 44; khoản 2, điểm đ khoản 5 Điều 50; khoản 1 Điều 66; khoản 4 Điều 69; Điều 72 của Luật Thủy sản)                                              | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 48. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Khoản 6; khoản 13 Điều 1)                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 49. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường,                                                                                                                                                     | Bộ Quốc phòng                | Các bộ, ngành, cơ quan                                   | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |

<sup>2</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường không điều chỉnh nhưng do sửa khoản 1 và bỏ khoản 2 nên tác động đến nội dung quy định của cả Điều

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                              |                                  |               |                                         |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------|-----------------------------------------|
|  |  | cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng (Khoản 7, khoản 11 Điều 1)                                                                                                                                                                                 |                              | liên quan                        |               |                                         |
|  |  | 50. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (Khoản 6 Điều 2; khoản 3; điểm a khoản 8 Điều 15) | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 51. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (Khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 38 Điều 12)                                                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 52. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản (Khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20, khoản 21, khoản 38 Điều 12)                                                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 53. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý thuốc thú y (Khoản 24, khoản 25, khoản 26, khoản 27, khoản 28 Điều 12; khoản 35 Điều 12)                                                                                                                         | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 54. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết Luật Chăn nuôi (Khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 11, khoản 15, khoản 16, điểm b khoản 19 Điều 3)                                                                                                 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 55. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của pháp luật về đa dạng sinh học (Khoản 6, khoản 17 Điều 4)                                                                                                                                           | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 56. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực dê điều và phòng, chống thiên tai (Khoản 12 Điều 5)                                                                                                                     | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 57. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp (Điều 8)                                                                                                | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  |  | 58. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài                                                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                              |                                                          |               |                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------|
|     |                                                                                                            | động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Điều 4; Điều 8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                                                          |               |                                         |
|     |                                                                                                            | 59. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước (Điều 10)                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                            | 60. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi (Khoản 1 Điều 13; điểm b khoản 5 Điều 13)                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                            | 61. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, tàu công vụ thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (Điều 14) | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                            | 62. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (Điểm c khoản 20 Điều 14)                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                            | 63. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (Điều 14)                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                            | 64. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Điều 14)                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 11. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản<br>Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026        | 65. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản (điểm a khoản 2, điểm d khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 18, điểm b khoản 19, điểm c khoản 22, khoản 24, điểm b khoản 27 Điều 1)                                                                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 12. | Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định về một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc | 66. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai (điểm c khoản 3, điểm d khoản 10 và khoản 14 Điều 3; khoản 11 Điều 4; khoản 6 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 8 Điều 7; khoản 3 Điều 8; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 9; khoản 4 Điều 11)                           | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |                                                          |               |                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|     | trong tổ chức thi hành Luật Đất đai Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026                                                                                                          | 67. Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tiền sử dụng, tiền thuê đất (khoản 8 Điều 3; khoản 7, điểm c khoản 9 và khoản 10 Điều 4; khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều 5; khoản 7 và khoản 8 Điều 7; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 10)                                                                                                                                                                                  | Bộ Tài chính           | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn  |
| 13. | Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026                        | 68. Nghị định quy định chi tiết Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Ngoại giao          | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                                                                             | 69. Nghị định quy định chi tiết khoản 4 Điều 5, Điều 8, Điều 11 <sup>3</sup> , khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điều 17 <sup>4</sup> , Điều 18, Điều 20                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Ngoại giao          | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                                                                             | 70. Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, Điều 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Công Thương         | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 14. | Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 | 71. Nghị định quy định cơ chế tài chính, chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiên sĩ toàn thời gian và tự chủ đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (khoản 2, khoản 3 Điều 37 của Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 38, khoản 4 Điều 41 Luật Giáo dục Đại học; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo) | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                                                                             | 72. Nghị định quy định về việc miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và lộ trình để miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (điểm b khoản 1 Điều 32 được                                                                                                                                                                                                            | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan           | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

<sup>3</sup> Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo nội dung quy định chi tiết Điều 11 gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp.

<sup>4</sup> Bộ Công an chủ trì soạn thảo nội dung quy định chi tiết Điều 17 gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp.

|     |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                        |                                                          |                                                                                             |                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                       | sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo)                                                                                                 |                        | liên quan                                                |                                                                                             |                                          |
| 15. | Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 | 73. Nghị định quy định về đối tượng và lộ trình tăng mức hưởng trong phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; danh mục bệnh và lộ trình thực hiện quy định Quỹ bảo hiểm y tế chỉ cho khám sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh phù hợp với việc tăng mức đóng bảo hiểm y tế từ năm 2027 (điểm a khoản 4 Điều 2) | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với quy định tăng mức đóng bảo hiểm y tế từ năm 2027 |                                          |
|     |                                                                                                                                                                       | 74. Nghị định quy định về phạm vi và lộ trình thực hiện miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (điểm b khoản 4 Điều 2)                                                                                                                                                                   | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Ban hành trước 15/11/2029 theo quy định của Luật                                            |                                          |
|     |                                                                                                                                                                       | 75. Nghị định quy định việc thí điểm đa dạng hóa các gói bảo hiểm y tế, đa dạng các loại hình cung ứng dịch vụ bảo hiểm y tế và thực hiện bảo hiểm y tế bổ sung do các doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp theo nhu cầu của người dân khi đủ điều kiện thực hiện (điểm c khoản 4 Điều 2)                                                    | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Theo đề xuất của cơ quan chủ trì soạn thảo                                                  |                                          |
|     |                                                                                                                                                                       | 76. Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế (khoản 4 Điều 3)                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025                                                                               | Ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn  |
| 16. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026)             | 77. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (điểm đ khoản 2 Điều 66a được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1; khoản 1 Điều 85 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 23 Điều 1; khoản 3 Điều 102 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1)                                                                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025                                                                               | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                                                                       | 78. Nghị định quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo (Điều 19 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025                                                                               | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                        |                                                              |               |                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|     |                                                                   | 79. Nghị định quy định về quỹ học bổng quốc gia (khoản 4a Điều 85 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 23 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan     | Tháng 4/2026  |                                          |
|     |                                                                   | 80. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục (khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1)                                                                                                                                                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                             | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 81. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú (khoản 3 Điều 61 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 18 Điều 1)                                                                                                                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                             | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 82. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định yêu cầu về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (khoản 4 Điều 110 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1)      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                             | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 83. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp (điểm b khoản 2 Điều 66a; khoản 1 Điều 16; khoản 3 Điều 12; khoản 1 Điều 7)                                                                                                                                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                             | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 17. | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ 01/3/2026 | 84. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (Khoản 5 Điều 10; khoản 7 Điều 11; khoản 7 Điều 13; khoản 5 Điều 14; khoản 4 Điều 17; khoản 6 Điều 20; khoản 6 Điều 21; khoản 6 Điều 22; khoản 7 Điều 23; điểm d khoản 3 Điều 24)                                                                              | Bộ Công an             | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan     | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 18. | Luật Đầu tư (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/3/2026            | 85. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Điều 6; Điều 7; Điều 8; khoản 2 Điều 10; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 25; Điều 26; Điều 28; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 44; Điều 46; Điều 47; Điều 49; Điều 51) | Bộ Tài chính           | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan | Tháng 01/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 86. Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài (Điều 39; Điều 42; Điều 43; Điều 48; Điều 51)                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Tài chính           |                                                              | Tháng 01/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                |                                                                          |                  |                                             |
|-----|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|
| 19. | Luật Quy hoạch<br>(sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/3/2026 | 87. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch (Khoản 11 Điều 6; khoản 3 Điều 8; khoản 6 Điều 9; khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 13; khoản 2 Điều 17; khoản 4 Điều 20; khoản 4 Điều 21; khoản 4 Điều 23; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 4 Điều 30; khoản 4 Điều 33; khoản 4 Điều 34; khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 41; khoản 6 Điều 44; khoản 3 Điều 45; Điều 48; khoản 6 Điều 49; khoản 5 Điều 54) | Bộ Tài chính                   | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các bộ, cơ<br>quan liên quan | Tháng<br>01/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                 | 88. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn định mức kinh phí cho hoạt động quy hoạch và việc quản lý, sử dụng chi phí cho hoạt động quy hoạch (khoản 4 Điều 10)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Tài chính                   | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                                   | Tháng<br>01/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                 | 89. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật và nội dung về cơ sở dữ liệu, sơ đồ, bản đồ quy hoạch (khoản 4 Điều 8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Tài chính                   | Các bộ, ngành,<br>cơ quan<br>liên quan                                   | Tháng<br>01/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
| 20. | Luật Trí tuệ nhân tạo<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/3/2026       | 90. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo (Khoản 3 Điều 6; khoản 4 Điều 8; Điều 9; khoản 7 Điều 10; khoản 6 Điều 11; khoản 5 Điều 12; Điều 13; Điều 14; khoản 6 Điều 16; khoản 6 Điều 17; khoản 5 Điều 18; khoản 6 Điều 20; Điều 21; khoản 5 Điều 22; khoản 4 Điều 24; khoản 7 Điều 25; khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 30)                                                                                 | Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan     | Tháng<br>02/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                 | 91. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu (Khoản 5 Điều 17)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan     | Tháng<br>02/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                 | 92. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao (Khoản 4 Điều 13)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan     | Tháng<br>02/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                 | 93. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia (Khoản 5 Điều 26)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ | Các cơ quan,<br>đơn vị<br>liên quan                                      | Tháng<br>02/2026 | Soạn thảo theo trình<br>tự, thủ tục rút gọn |
| 21. | Nghị quyết của                                                  | 94. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Công                        | Bộ Tư pháp,                                                              | Tháng            | Soạn thảo theo trình                        |

|     |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                 |                                                          |               |                                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|     | Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030<br>Có hiệu lực từ ngày 01/3/2026 | để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng giai đoạn 2026 – 2030 (Khoản 7 Điều 4, khoản 2 Điều 10, khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 12)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thương                          | Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan         | 02/2026       | tự, thủ tục rút gọn                      |
| 22. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ<br>Có hiệu lực từ ngày 01/4/2026                      | 95. Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn biện pháp tổ chức thi hành Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 (Điều khoản giao quy định chi tiết tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ: Điều 9, 13, 21, 31, 35, 35a, 42, 43, 44 và 54; Điều khoản giao quy định chi tiết tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH13 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 93/2025/QH15: Điều 21a; Nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 76/2018/NĐ-CP: Điều 5, 6, 34, 35, 38, 39 Luật số 07/2017/QH13; Phụ lục I, II, III Nghị định 76/2018/NĐ-CP) | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 23. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ<br>Có hiệu lực từ ngày 01/4/2026                             | 96. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (Khoản 2, 3, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 17, 18, 66, 67 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                        | 97. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Khoản 2, 3, 5, 6, 24, 33, 44, 53, 54, 55, 66, 67 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                                                                        | 98. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                 |                                                          |               |                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|     |                                                                   | hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (Khoản 20, 21, 23, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 37, 38, 39, 40, 41, 45, 46, 53, 54 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2025) |                                 |                                                          |               |                                          |
|     |                                                                   | 99. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chương trình đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng (Khoản 57 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 100. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (điểm c khoản 14 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 02/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 24. | Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/5/2026 | 101. Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý đầu tư vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 31) <sup>5</sup>                                                                                                                                                                                                                           | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 3/2026  | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 102. Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi (khoản 5 Điều 14; khoản 1 Điều 19; khoản 8 Điều 19; khoản 3 Điều 29; khoản 3 Điều 33)                                                                                                                                                                                                               | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 3/2026  | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 103. Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định hạn mức chi trả tiền bảo hiểm (khoản 1 Điều 22)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 3/2026  | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 104. Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định việc cung cấp thông tin giữa Ngân hàng nhà nước và bảo hiểm tiền gửi (khoản 1 Điều 33)                                                                                                                                                                                                                                                              | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 3/2026  | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 105. Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Các bộ, ngành, cơ quan                                   | Tháng 3/2026  | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

<sup>5</sup> Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo nội dung quy định chi tiết khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 31 gửi Ngân hàng nhà nước để tổng hợp.

|     |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                          |                              |                                              |              |                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|--------------|------------------------------------------|
|     |                                                                   | tiền gửi; tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt từ Ngân hàng nhà nước (khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 38)                                                                                                                                                | Nam                          | liên quan                                    |              |                                          |
|     |                                                                   | 106. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (điểm b khoản 4 Điều 30; khoản 6 Điều 30)                                                                                                            | Bộ Tài chính                 | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 25. | Luật Giám định tư pháp (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/5/2026 | 107. Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp (khoản 8 Điều 11; khoản 8 Điều 14; khoản 3 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 5 Điều 19; khoản 9 Điều 20; khoản 4 Điều 29; khoản 4 Điều 33; khoản 6 Điều 40; khoản 1 Điều 41) | Bộ Tư pháp                   | Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 108. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg (khoản 3 Điều 41)                                                                                                                                  | Bộ Tư pháp                   | Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 109. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                           | Bộ Công an                   | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 110. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                              | Bộ Y tế                      | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 111. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                         | Bộ Tài chính                 | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 112. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                       | Bộ Công thương               | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                   | 113. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3                                                                                     | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan             | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                 |                                  |              |                                          |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------|------------------------------------------|
|  | Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                 |                                  |              |                                          |
|  | 114. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (Khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                               | Bộ Xây dựng                     | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 115. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                           | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 116. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                  | Bộ Khoa học và Công nghệ        | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 117. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                                | Bộ Tư pháp                      | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 118. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo          | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 119. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                                                 | Bộ Nội vụ                       | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 120. Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý (khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 37)                                                                                               | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam     | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|  | 121. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng (khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1 và khoản 3 Điều 14; khoản 1 Điều 19; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 33; khoản 4 Điều 41 Luật Giám định tư pháp) | Bộ Quốc phòng                   | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |

|     |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |              |                                                                                                             |              |                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                            | 122. Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự (điểm a khoản 1 Điều 8)                                                                                                       | Bộ Công an   | Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan | Tháng 3/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
| 26. | Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026<br>(Một số nội dung giao quy định chi tiết có hiệu lực từ ngày 01/01/2027) | 123. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và hàng dự trữ quốc gia (hiệu lực 01/7/2026) (Điều 6; khoản 3 Điều 7; Điều 12, khoản 2 và khoản 3 Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25)                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                                | Tháng 4/2026 |                                          |
|     |                                                                                                                                            | 124. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ chiến lược (hiệu lực 01/01/2027) (Điểm đ khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 7; Điều 31, Điều 32, Điều 33)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Tài chính |                                                                                                             | Tháng 9/2026 |                                          |
|     |                                                                                                                                            | 125. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về sử dụng dự trữ chiến lược để điều tiết thị trường (hiệu lực 01/01/2027) (Điều 31)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Tài chính |                                                                                                             | Tháng 9/2026 |                                          |
|     |                                                                                                                                            | 126. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia (hiệu lực từ 01/7/2026) (Khoản 3 Điều 21)                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                                                            | Tháng 4/2026 |                                          |
| 27. | Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/07/2026                                                                     | 127. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân (khoản 4 Điều 2; điểm c khoản 2 điểm đ khoản 10, khoản 11 Điều 3; khoản 22 Điều 4; khoản 5, khoản 6 Điều 5; Điều 6; khoản 5 Điều 7; khoản 2 Điều 8; khoản 2, khoản 4 Điều 11; khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 3 Điều 14; khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 24; khoản 3 Điều 27; khoản 5 Điều 28) | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                                | Tháng 4/2026 |                                          |
|     |                                                                                                                                            | 128. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (Điểm b khoản 4 Điều 10)                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                                                            | Tháng 4/2026 |                                          |

|     |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |                                                                                             |              |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 28. | Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 129. Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (Khoản 8 Điều 4; Khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17)                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Tài chính   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                           | 130. Nghị định quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí (khoản 4 Điều 37)                                                                                                                                                                                                   | Bộ Tài chính   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |
| 29. | Luật Thương mại điện tử (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026        | 131. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thương mại điện tử ( khoản 8 Điều 9, khoản 5 Điều 11; khoản 4 Điều 14; khoản 4 Điều 15; khoản 5 Điều 17; khoản 5 Điều 18; khoản 3 Điều 19; khoản 2 Điều 20; khoản 7 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 34; điểm d khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 37; khoản 4 Điều 38; khoản 2 Điều 39) | Bộ Công Thương | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |
| 30. | Luật Dẫn độ<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026                              | 132. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ (Khoản 3 Điều 5; khoản 3 Điều 8; khoản 4 Điều 9; khoản 3 Điều 13; khoản 5 Điều 16; khoản 2 Điều 20; khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 22; khoản 4 Điều 23; khoản 2 Điều 24; khoản 4 Điều 27)                                                                                                                                                                           | Bộ Công an     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                           | 133. Nghị định quy định về chi phí thực hiện và kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự (Khoản 3 Điều 11 Luật Dẫn độ; khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; khoản 3 Điều 15 Luật Tương trợ tư pháp về hình sự)                                                                                               | Bộ Công an     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                           | 134. Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ (Khoản 3 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 2 Điều 17; khoản 2 Điều 18; khoản 4 Điều 36)                                                                                         | Bộ Công an     | Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |                                                                        |              |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            | phòng và các bộ, cơ quan liên quan                                     |              |  |
|     |                                                                                   | 135. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ (Khoản 4 Điều 31; khoản 9 Điều 33; khoản 3 Điều 41)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                       | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                   | 136. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các loại biểu mẫu giấy tờ, sổ sách trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân (Điều 17 Luật Dẫn độ; Điều 13 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù)                                                                                                                                                                      | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                       | Tháng 4/2026 |  |
| 31. | Luật Tương trợ tư pháp về hình sự<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026                | 137. Nghị định quy định về chi phí thực hiện và kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự (Khoản 3 Điều 11 Luật Dẫn độ; khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; khoản 3 Điều 15 Luật Tương trợ tư pháp về hình sự)                                                                                                                   | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 32. | Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 138. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Khoản 3 Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 4 Điều 8; khoản 5 Điều 12; khoản 2 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 18; khoản 3 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 3 Điều 21; khoản 4 Điều 26; khoản 2 Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 3 Điều 38; khoản 4 Điều 42; khoản 2 Điều 44) | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan               | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                   | 139. Nghị định quy định về chi phí thực hiện và kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự (Khoản 3 Điều 11 Luật Dẫn độ; khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; khoản 3 Điều 15 Luật Tương trợ tư pháp về hình sự)                                                                                                                   | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan               | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                   | 140. Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều 25 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Khoản 5 Điều 25)                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Công an | Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối                    | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |                                                          |              |  |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            | cao và các cơ quan liên quan                             |              |  |
|     |                                                           | 141. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các loại biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân (Điều 17 Luật Dẫn độ; Điều 13 Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù)                                          | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 33. | Luật Thi hành án hình sự<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 142. Nghị định quy định về quy trình thực hiện việc tiêm thuốc độc (Khoản 1 Điều 77)                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                           | 143. Nghị định quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng (khoản 5 Điều 43)                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                           | 144. Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại (khoản 4 Điều 141, khoản 6 Điều 145, khoản 3 Điều 144 và khoản 2 Điều 146)                                                                                                                                                                           | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                           | 145. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự (khoản 3 Điều 27; khoản 6 Điều 29; khoản 4 Điều 30; khoản 4 Điều 31; khoản 6 Điều 41; khoản 8 Điều 44; khoản 5 Điều 45; khoản 2 Điều 46; khoản 4 Điều 47; khoản 7 Điều 48; khoản 4 Điều 50; khoản 7 Điều 52; khoản 2 Điều 53; khoản 4 Điều 54) | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                           | 146. Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự (Khoản 2 Điều 154)                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                           | 147. Nghị định quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú trong thời gian chờ xuất                                                                                                                                                                                                | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng                                    | Tháng 4/2026 |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                                                          |              |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|  |  | cảnh (Khoản 5 Điều 119)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |               | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |              |  |
|  |  | 148. Nghị định quy định biện pháp tổ chức quản lý người bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (khoản 4 Điều 136)                                                                                                                                                                       | Bộ Y tế       | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 149. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm (điểm c khoản 3 Điều 24)                                                                                                                                                                                                | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 150. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ gặp, nhận quà và liên lạc của phạm nhân (Khoản 7 Điều 49; khoản 4 Điều 51)                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 151. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (khoản 4 Điều 66)                                                                                                                                                                               | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 152. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam, Cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân (Khoản 4 Điều 8 Luật Thi hành án hình sự; khoản 3 Điều 8 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú) | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 153. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự; Cơ quan quản lý, tạm giữ, tạm giam, Cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam trong Quân đội nhân dân (khoản 4 Điều 8)                                                                                               | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 154. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm (điểm c khoản 3 Điều 24)                                                                                                                                                                                             | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 155. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ gặp, nhận quà và liên lạc của phạm nhân (khoản 7 Điều 49; khoản 4 Điều 51)                                                                                                                                                                                                                     | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                                                          |              |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                                         | 156. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (khoản 4 Điều 66)                                                                                                      | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 34. | Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 157. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Khoản 7 Điều 22; khoản 3 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 6 Điều 27; khoản 2 Điều 28; khoản 4 Điều 30; khoản 1 Điều 33; khoản 3 Điều 35; khoản 2 Điều 47) | Bộ Công an    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 158. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Nội quy cơ sở giam giữ và danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ (Khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 24)                                                                                                                         | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 159. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (khoản 2 và 4 Điều 27; khoản 1 Điều 31)                                                                                                                                          | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 160. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chế độ quản lý giam giữ (khoản 3 Điều 15; khoản 8 điều 22; khoản 9 Điều 37)                                                                                                                                                     | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 161. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng các cơ sở giam giữ và các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ (Khoản 3 Điều 12)                                                                  | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 162. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Nội quy cơ sở giam giữ và danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ (khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 24)                                                                                                                        | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 163. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam (khoản 2 và khoản 4 Điều 27; khoản 1 Điều 31)                                                                                                                             | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 164. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ quản lý giam giữ (khoản 8 Điều 22; khoản 9 Điều 31)                                                                                                                                                                      | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 165. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam (khoản 3 Điều 15)                                                                                                                                   | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                         | 166. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Quốc       | Các bộ, ngành,                                           | Tháng        |  |

|     |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |                                                                                 |              |                                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------|
|     |                                                                                          | quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, xây dựng các cơ sở giam giữ và các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ (khoản 3 Điều 12)                                                                                                                                                                                                                                  | phòng      | cơ quan liên quan                                                               | 4/2026       |                                                       |
| 35. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 167. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (Điều 14; Khoản 6 Điều 1)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan                        | Tháng 4/2026 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn <sup>6</sup> |
|     |                                                                                          | 168. Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về việc phối hợp tra cứu xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thông tin liên quan đến người phạm tội (Khoản 4 Điều 1)                                                              | Bộ Công an | TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |                                                       |
|     |                                                                                          | 169. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định sử dụng biểu mẫu; quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (Khoản 7 Điều 1; khoản 17 Điều 1)                                                                                                                                             | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                                | Tháng 4/2026 |                                                       |
| 36. | Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi) Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026                         | 170. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống ma túy (Khoản 5 Điều 11; khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 14; Khoản 2 Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 18; Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 21; khoản 9 Điều 24; khoản 2 Điều 28; khoản 4 Điều 29; khoản 10 Điều 32; khoản 6 Điều 33; khoản 5 Điều 34; khoản 7 Điều 35; khoản 7 Điều 36; khoản 8 Điều 42; khoản 2 Điều 45) | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan                        | Tháng 4/2026 |                                                       |
|     |                                                                                          | 171. Nghị định quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy (khoản 7 Điều 131)                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Y tế    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan                        |              |                                                       |
|     |                                                                                          | 172. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan                                                          | Tháng 4/2026 |                                                       |

<sup>6</sup> Công văn số 11172/VPCP-KSTT ngày 14/11/2025

|     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                             |            |                                                          |              |  |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                    | giáo dưỡng; điều kiện về nhân sự và chế độ quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; thi hành quyết định đưa người nghiện ma túy đến cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy (Khoản 3 Điều 28) |            | liên quan                                                |              |  |
|     |                                                    | 173. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chuẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy (khoản 8 Điều 31)                                                                           | Bộ Y tế    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 37. | Luật An ninh mạng<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 174. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng (điểm a, b, c, d, đ và l khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 25; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 30; khoản 5 Điều 34)                                             | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                    | 175. Nghị định quy định về phòng, chống tội phạm mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao (khoản 5 Điều 14)                                                                                                                   | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                    | 176. Nghị định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin (khoản 2 Điều 8; khoản 5 Điều 9; khoản 6 Điều 10 và khoản 5 Điều 12)                                                                                       | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                    | 177. Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (điểm e, h, l, k và m khoản 1 Điều 5)                                                                                       | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                    | 178. Nghị định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 29)                                                                                                                    | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                    | 179. Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân                                                                                                                    | Bộ Công an | Bộ Tư pháp, Văn phòng                                    | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |                                                          |              |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |              |  |
|     |                                                                                                                  | 180. Nghị định quy định về hoạt động mật mã dân sự (điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 29)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Quốc phòng | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                                  | 181. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng tại khoản 4 Điều 22 và quy định các nội dung trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 14, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 34 Luật An ninh mạng).                    | Bộ Quốc phòng | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 38. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 182. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Khoản 3 Điều 7 (sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 3 Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ); Khoản 4 Điều 7 (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ) | Bộ Công an    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                                  | 183. Nghị định quy định về thiết bị giám sát hành trình, ghi nhận hình ảnh người lái xe trên phương tiện giao thông đường bộ; đầu tư hệ thống quản lý dữ liệu giám sát hành trình, ghi nhận hình ảnh người lái xe trên phương tiện giao thông đường bộ (Khoản 5 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                | Bộ Công an    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                                  | 184. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (khoản 3, khoản 5 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 8, khoản 1 Điều 29 Luật Đường bộ)                                                                                          | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                                  | 185. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan                                   | Tháng 4/2026 |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |                                  |              |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------|--------------|--|
|  |  | an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ”, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe” và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Trung tâm chỉ huy giao thông” (Khoản 17 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 71 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                                                                        |            | liên quan                        |              |  |
|  |  | 186. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 71/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Khoản 17 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 71 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                                                                                                                | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 187. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế (Khoản 10 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Điểm c khoản 11 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 61 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                                                                | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 188. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (Khoản 11 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Điểm b khoản 12 Điều 7; Điểm b khoản 13 Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 61 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ) | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 189. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/6/2020 và Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30/6/2023) và Thông tư số                                                                                                                                                         | Bộ Công an | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                     |                                                                              |              |  |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                | 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (Khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                              |              |  |
|     |                                                                | 190. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (khoản 10 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 52 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ) | Bộ Xây dựng         | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                             | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                | 191. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khoản 12 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Xây dựng         | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                             | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                | 192. Thông tư thay thế Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ (Khoản 7 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Xây dựng         | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                                             | Tháng 4/2026 |  |
| 39. | Luật Tương trợ tư pháp về dân sự Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 193. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (Khoản 5 Điều 11; khoản 2 Điều 12; khoản 5 Điều 17; khoản 3 Điều 19; khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 28; khoản 5 Điều 30; khoản 4 Điều 34)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Tư pháp          | Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân tối cao và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 40. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của                          | 194. Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Tiếp công dân (khoản 2 Điều 3a; khoản 4 Điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thanh tra Chính phủ | Bộ Tư pháp, Văn phòng                                                        | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                 |                                                          |              |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     | Luật Tiếp công dân,<br>Luật Khiếu nại,<br>Luật Tố cáo<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/7/2026           | 9; hướng dẫn thi hành các Điều 7, 8, 10, 15, 16, 22, 25, 26, 27, 33 của Luật Tiếp công dân, thay thế Nghị định số 64/2014/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                            |                                 | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |              |  |
|     |                                                                                                     | 195. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại (khoản 5 Điều 11a; khoản 6 Điều 30)                                                                                                                                                                                          | Thanh tra Chính phủ             | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                     | 196. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tố cáo                                                                                                                                                                                                                                  | Thanh tra Chính phủ             | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 41. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 197. Nghị định thay thế Nghị định số 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng (khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 61 và các điều khoản được nêu tại Điều 1 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)                                                                                                                                     | Thanh tra Chính phủ             | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                     | 198. Nghị định thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (khoản 8 Điều 30; khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 41; khoản 2 Điều 44 và các điều khoản được nêu tại Điều 1 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)                                                                                    | Thanh tra Chính phủ             | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 42. | Luật Báo chí (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026                                             | 199. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí (Khoản 4 Điều 17; khoản 6 Điều 18; khoản 5 Điều 19; khoản 4 Điều 23; khoản 5 Điều 25; khoản 7 Điều 26; khoản 6 Điều 28; khoản 2, 4 Điều 29; khoản 4 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 4 Điều 34; khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 39; khoản 2 Điều 40; khoản 5 Điều 46) | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                     | 200. Nghị định quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước (Khoản 5 Điều 31)                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |                                                          | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                                     | 201. Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình (Khoản 6 Điều 18; Khoản 5 Điều 19; Khoản 4                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Văn hoá, Thể thao và         | Bộ Tư pháp, Văn phòng                                    | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                 |                                                          |              |  |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                              | Điều 23; Khoản 5 Điều 25; Khoản 4 Điều 29; Khoản 2 Điều 44; khoản 4 Điều 45; Khoản 5 Điều 46)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Du lịch                         | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |              |  |
|     |                                                              | 202. Nghị định quy định về hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (Khoản 2 Điều 47)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Ngoại giao                   |                                                          | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                              | 203. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động báo chí; điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin, đặc san (Khoản 6 Điều 18; khoản 6 Điều 48; khoản 6 Điều 49)                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                              | 204. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục thông báo đặt cơ quan thường trú, văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú và mẫu giấy giới thiệu khi hoạt động nghiệp vụ báo chí (Điểm d khoản 1 Điều 21; Khoản 4 Điều 27)                                                                                                                                                                                                                     | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                              | 205. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo, chương trình và yêu cầu của lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, đạo đức nghề nghiệp (Khoản 7 Điều 28)                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 43. | Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 206. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (khoản 19 Điều 3; Điều 7; khoản 1 Điều 9; Điều 11 <sup>7</sup> ; Điều 16; khoản 4 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 18; Điều 19; Điều 21; Điều 22; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 23; điểm c khoản 1 Điều 27; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 30; khoản 3 Điều 31; Điều 32; Điều 42; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 44; Điều 47; Điều 68; khoản 2 Điều 70) <sup>8</sup> | Bộ Xây dựng                     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                              | 207. Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Xây dựng                     | Bộ Tư pháp, Văn phòng                                    | Tháng 4/2026 |  |

<sup>7</sup> Trừ nội dung quy định tại Nghị định về quản lý vật liệu xây dựng.

<sup>8</sup> Khoản 4 Điều 94 giao quy định chi tiết: Điều 7; Điều 11; Điều 16; điểm a khoản 1 Điều 18; Điều 19; Điều 21; Điều 22; khoản 3 Điều 23; Điều 32; Điều 42; Điều 47; Điều 68.

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |                                                          |              |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|  |  | dựng (khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 48; Điều 49; Điều 51; Điều 54; Điều 55; khoản 6 Điều 57; Điều 58; Điều 64; Điều 65; Điều 67) <sup>9</sup>                                                                                                                                 |              | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |              |  |
|  |  | 208. Nghị định quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (khoản 4 Điều 74; khoản 7 Điều 76; Điều 79 <sup>10</sup> )                                                                                                                                               | Bộ Xây dựng  | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 209. Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (Điều 82; khoản 4 Điều 83; khoản 4 Điều 84; Điều 85; Điều 87) <sup>11</sup>                                                                                                                                            | Bộ Xây dựng  | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 210. Nghị định quy định chi tiết về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng (khoản 3 Điều 14; khoản 7 Điều 88)                                                                                               | Bộ Xây dựng  | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 211. Nghị định về quản lý vật liệu xây dựng (Điều 8 <sup>12</sup> , khoản 4 Điều 11 <sup>13</sup> )                                                                                                                                                                          | Bộ Xây dựng  | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 212. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (khoản 3 Điều 10) | Bộ Tài chính | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|  |  | 213. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng (điểm a khoản 2 Điều 6)                                                                                                                                                                 | Bộ Xây dựng  | Các bộ, cơ quan liên quan                                | Tháng 4/2026 |  |

<sup>9</sup> Khoản 4 Điều 94 giao quy định chi tiết: khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 48; Điều 49; Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58; Điều 64; Điều 65; Điều 67.

<sup>10</sup> Nội dung này được giao quy định tại khoản 4 Điều 94.

<sup>11</sup> Khoản 4 Điều 94 giao quy định chi tiết: Điều 82; Điều 85.

<sup>12</sup> Nội dung này được giao quy định tại khoản 4 Điều 94.

<sup>13</sup> Nội dung này được giao quy định tại khoản 4 Điều 94. Tại Nghị định này quy định một số nội dung liên quan đến chính sách khuyến khích trong nghiên cứu, đầu tư phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tại khoản 4 Điều 11.

|     |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                               |               |                                                          |              |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                                  | 214. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động xây dựng trong Công an nhân dân (khoản 6 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 70)                                                    | Bộ Công an    | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 215. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động xây dựng trong lĩnh vực quốc phòng (khoản 6 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 70)                                              | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 44. | Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15 Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 216. Nghị định về nhà chức trách hàng không và quản lý an toàn (Điều 8; Điều 79; Điều 80; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 86; Điều 87; Điều 88; Điều 89; Điều 90; Điều 99; Điều 100; khoản 2 Điều 103)                      | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 217. Nghị định về tàu bay và khai thác tàu bay (Điều 9; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 99)                                                                                    | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 218. Nghị định về hoạt động bay (Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 99; khoản 3 Điều 103)                                                                                                  | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 219. Nghị định về cảng hàng không, bãi cất hạ cánh (Điều 11; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 99; khoản 4 Điều 103)                                                    | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 220. Nghị định về vận tải hàng không (Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 57; Điều 61; Điều 63; khoản 8 Điều 64; Điều 99)                                                                                                       | Bộ Xây dựng   | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 221. Nghị định về an ninh hàng không, nhà chức trách an ninh hàng không và bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang (Điều 8; Điều 11; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 97; Điều 98; Điều 99; Điều 101; Điều 103) | Bộ Công an    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                                  | 222. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng (khoản 8                                                                           | Bộ Công an    | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và                       | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                              |                                                          |              |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                                         | Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 101)                                                                                                                                                                                                                         |                              | các cơ quan liên quan                                    |              |  |
|     |                                                                         | 223. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam (điểm d khoản 3 Điều 99)                                                                                                                                                        | Bộ Xây dựng                  | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                         | 224. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Chương trình huấn luyện an ninh hàng không dân dụng Việt Nam (điểm b khoản 1 Điều 97; khoản 5 Điều 99; Điều 101)                                                                                                          | Bộ Công an                   | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 5/2026 |  |
| 45. | Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 225. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tình trạng khẩn cấp (khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 28; khoản 5 Điều 33)                                                                                                                                                      | Bộ Quốc phòng                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                         | 226. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa (khoản 4 Điều 8) | Bộ Quốc phòng                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
| 46. | Luật Công nghệ cao (sửa đổi) Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026              | 227. Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao (sửa đổi) (khoản 7 Điều 11; khoản 6 Điều 12; khoản 7 Điều 15; khoản 7 Điều 21; khoản 6 Điều 22 và một số nội dung khác)                                                                  | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                         | 228. Nghị định quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khoản 6 Điều 24)                                                                                                                                                                                                | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                         | 229. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược (khoản 3 Điều 5; khoản 3 Điều 6)          | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                                         | 230. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí, điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ                                                                                                                                                                  | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Các bộ, ngành, cơ quan                                   | Tháng 4/2026 |  |

|     |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                |                                                                      |                 |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|--|
|     |                                                                          | cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (khoản 1 Điều 21)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công nghệ                      | liên quan                                                            |                 |  |
| 47. | Luật Chuyển đổi số<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/7/2026                   | 231. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Chuyển đổi số (Khoản 12 Điều 4; Khoản 9 Điều 7; Khoản 8 Điều 8; Điều 12; Khoản 2 Điều 21; Khoản 2 Điều 32; Khoản 3 Điều 37)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026 |  |
| 48. | Luật Thi hành án<br>dân sự (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/7/2026 | 232. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (Điều, khoản, điểm giao quy định chi tiết: khoản 4 Điều 9; khoản 5 Điều 22; khoản 5 Điều 34; khoản 5 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 49; khoản 3 Điều 49; khoản 4 Điều 50; Điều 51; khoản 9 Điều 53; khoản 6 Điều 54; khoản 7 Điều 54; khoản 3 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 4 Điều 58; khoản 6 Điều 59; khoản 2 Điều 61; khoản 2 Điều 67; khoản 3 Điều 70; khoản 5 Điều 72; khoản 5 Điều 76; khoản 4 Điều 78; điểm c khoản 2 Điều 82; khoản 4 Điều 84; khoản 2 Điều 85; điểm b khoản 1 Điều 86; khoản 1 Điều 87; khoản 2 Điều 89; khoản 6 Điều 95) | Bộ Tư pháp                     | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026 |  |
|     |                                                                          | 233. Nghị định quy định về tổ chức cán bộ và điều kiện bảo đảm hoạt động của hệ thống thi hành án dân sự (khoản 5 Điều 22; khoản 10 Điều 24; khoản 9 Điều 25)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ Tư pháp                     | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026 |  |
|     |                                                                          | 234. Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 26; khoản 4 Điều 27; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 30; khoản 9 Điều 31; khoản 5 Điều 116)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Tư pháp                     | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026 |  |
| 49. | Luật Viên chức<br>(sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày<br>01/7/2026          | 235. Nghị định quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (khoản 4 Điều 17; khoản 4 Điều 18; khoản 3 Điều 32; khoản 3 Điều 41)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Nội vụ                      | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ và<br>các cơ quan<br>liên quan | Tháng<br>4/2026 |  |
|     |                                                                          | 236. Nghị định quy định về xử lý kỷ luật viên chức (khoản 4 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 42)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Nội vụ                      | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng                                             | Tháng<br>4/2026 |  |

|     |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                        |                                                          |               |                                          |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
|     |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                        | Chính phủ và các cơ quan liên quan                       |               |                                          |
|     |                                                                  | 237. Nghị định quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của viên chức (khoản 4 Điều 20; khoản 5 Điều 21)                                                                                                                                                                                                | Bộ Nội vụ              | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|     |                                                                  | 238. Nghị định quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức (quy định chi tiết điểm a khoản 4 Điều 25)                                                                                                                                                                                          | Bộ Nội vụ              | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|     |                                                                  | 239. Nghị định quy định về vị trí việc làm viên chức (khoản 4 Điều 23; khoản 3 Điều 24)                                                                                                                                                                                                                | Bộ Nội vụ              | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
| 50. | Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 240. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục đại học (Khoản 4 Điều 11; Khoản 5 Điều 16; Khoản 3 Điều 38; Khoản 4 Điều 41)                                                                                                                                                            | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                  | 241. Nghị định quy định về giảng viên đồng cơ hữu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học (khoản 5 Điều 21 Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 4 Điều 29 Luật Giáo dục đại học)                                                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026  |                                          |
|     |                                                                  | 242. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên hội đồng trường, nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ; quy trình bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường tư thực, cơ chế hoạt động và giám sát của hội đồng trường tư thực (Khoản 5 Điều 17) | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 12/2025 | Soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn |
|     |                                                                  | 243. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học (Khoản 4 Điều 10)                                                                                                                                                                             | Bộ Giáo dục và Đào tạo |                                                          | Tháng 4/2026  |                                          |

|     |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                        |                                                          |              |  |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|--|
|     |                                                  | 244. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học (khoản 8 Điều 25)                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 245. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (Khoản 5 Điều 29)                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 246. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học (khoản 4 Điều 15)                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 51. | Luật Phòng bệnh<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 | 247. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh (Điều 14; điểm b khoản 5 Điều 15; điểm d khoản 1 Điều 16; Điều 19; Điều 20; khoản 5 Điều 22; khoản 4 Điều 23; Điều 24; Điều 25; khoản 3 Điều 27; khoản 5 Điều 30; khoản 6 Điều 31; khoản 4 Điều 32; khoản 4 Điều 34; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 39; Điều 40; khoản 2 Điều 41; khoản 7 Điều 43) <sup>14</sup> | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 248. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng bệnh (Khoản 7 Điều 13; khoản 4 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 18)                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ Y tế                | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 249. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng (khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 23)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Y tế                | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
| 52. | Luật Dân số<br>Có hiệu lực từ ngày 01/7/2026     | 250. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số (khoản 2 Điều 14; khoản 5 Điều 18; điểm a khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 25)                                                                                                                                                                                                                          | Bộ Y tế                | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 251. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh, tật bẩm sinh cần sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh (khoản 1 Điều 21)                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ Y tế                | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |
|     |                                                  | 252. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục các bệnh di truyền liên quan đến giới tính phục vụ chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh (khoản 3 Điều 6)                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ Y tế                | Các bộ, ngành, cơ quan liên quan                         | Tháng 4/2026 |  |

<sup>14</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo nội dung về phòng bệnh trong cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Phòng bệnh; Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo nội dung về “nguồn kinh phí thực hiện chính sách khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí” quy định tại khoản 3 Điều 27 và nội dung quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Phòng bệnh gửi Bộ Y tế để tổng hợp.